

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 323/2025/HS-PT

Ngày: 30 - 12 - 2025

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- T8 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết, bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 321/2025/TLPT-HS, ngày 03/11/2025 đối với các bị cáo Nguyễn H và đồng bọn về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bị cáo Dương Thanh C1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn H**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 23/4/1994; tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn GT, xã TG, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Họ và tên bố: Nguyễn Viết C (đã chết);

Họ và tên mẹ: Ngô Thị B, năm sinh 1962;

Vợ: Hoàng Thị Kiều Tr, sinh năm 1997.

Con: có 02 người (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021).

Nhân thân: Năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện KN xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại bản án số 67/2019/HSST ngày 15/11/2019. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2024 đến ngày 25/01/2025. Hiện đang được tại ngoại theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đàm Việt Đ**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 08/7/1992; tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn LB, xã KN, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Đàm Việt D, sinh năm 1964;

Họ và tên mẹ: Bé Thị H1, sinh năm 1964;

Vợ, con: chưa có.

Nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 năm 06 tháng tù tại bản án số 23/2012/HSST, ngày 08,09/5/2012. Bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích.

Tiền án tiền sự : Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến ngày 25/01/2025. Hiện đang được tại ngoại theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Hồ Đắc T**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 05/9/1996; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn LP, xã KN, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Hồ Đ T1, sinh năm 1967;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, năm sinh 1969;

Vợ: Nguyễn Thị Huyền V, sinh năm 2001.

Con: có 01 người (sinh năm 2021).

Nhân thân: Năm 2017, bị Công an huyện KN xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích. Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện KN xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án số 27/2020/HS-ST. Năm 2021, bị Ủy ban nhân dân xã PL áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong bản án và Quyết định xử lý hành chính.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến ngày 25/01/2025. Hiện đang được tại ngoại theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn S**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 12/3/1997; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn LT, xã KN, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp;

Họ và tên bố: Nguyễn T3, sinh năm 1953;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1957;

Vợ, con : Chưa có.

Nhân thân: Năm 2015, bị Công an huyện KN xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích. Năm 2025, bị Tòa án nhân dân huyện KN xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 02/2025/HSST, ngày 16/01/2025, hiện đang chấp hành án tại Trại giam ĐT, Bộ công an.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại Giam ĐT, Bộ công an – vắng mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lê Đức A**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Ku Tộc;

Sinh ngày 24/8/1997; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn LT, xã KN, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Họ và tên bố: Lê Văn P, sinh năm 1958;

Họ và tên mẹ: Hoàng Thị T4, (đã chết);

Vợ: Chu Thị Kim T5, sinh năm 1997.

Con: có 01 con sinh năm 2022.

Nhân thân: Năm 2016 bị Công an thị xã BH xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản ; Bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích tại bản án số 255/2016/HSPT, ngày 18/7/2016. Năm 2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Hoàng Thị V1**; Giới tính: Nữ.

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 01/02/1982; Tại: Nghệ An;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn 2, xã PĐ, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Họ và tên bố: Hoàng Nghĩa Đ (đã chết);

Họ và tên mẹ: Võ Thị D1 (đã chết);

Chồng: Không có.

Con: có 02 người (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú – vắng mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn N2**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 20/02/1996; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT: Buôn DYA, xã DY, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: Thôn GT, xã TG, tỉnh Đắk Lắk

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Họ và tên bố: Dương Văn Đ;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S1, năm sinh 1966;

Vợ: Nguyễn Thị Xuân H2, sinh năm 1996.

Con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Trần Văn H3**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 04/7/1992; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn LY, xã KN, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Họ và tên bố: Trần H4 (đã chết);

Họ và tên mẹ: Đoàn Thị T6, năm sinh 1970;

Vợ: Quách Thị Kim D2, sinh năm 1995.

Con: có 02 người (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2023).

Nhân thân : Năm 2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 năm tù về tội Hiếp dâm tại bản án số 23/2012/HSST, ngày 08,09/5/2012 đã được xóa án tích. Năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện KP, tỉnh Gia Lai xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong các bản án trên.

Tiền án tiền sự : Không.

Bị cáo đang tại ngoại theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú – vắng mặt tại phiên tòa.

09. Họ và tên: **Dương Thanh C1**; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: Ẽm;

Sinh ngày 10/6/1995; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn GT, xã PX, tỉnh Đắk Lắk.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N2; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lái xe;

Họ và tên bố: Dương Quang T7, sinh năm 1952;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1957;

Vợ, con: chưa có.

Nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện KN bị xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích tại bản án số 11/2014/HSST, ngày 12/3/2014. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú – vắng mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị V1 theo Quyết định của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk: Bà H'M – Trợ giúp viên pháp lý (Vắng mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, có 02 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn H làm nghề thu mua chó từ 2021. Khoảng đầu tháng 7/2024, H nảy sinh ý định đi bắt trộm chó để bán lấy tiền nên đã lên mạng học cách chế dụng cụ bắt trộm chó rồi mua vật liệu và tự chế ra công cụ bắt trộm chó. Khoảng giữa tháng 7/2024, Hồ Đắc T và Nguyễn S đến nhà H chơi thì thấy dụng cụ bắt trộm chó của H. T và S mượn dụng cụ của H rồi cùng nhau rủ đi trộm cắp chó thì cả hai đồng ý. Lúc này có Đàm Việt Đ cùng đến nhà H nên T mượn xe của Đ và rủ Đ đi trộm cắp chó nhưng Đ bận việc và không tham gia. Sau đó T và S dùng dụng cụ của H, xe mô tô của Đ và cùng nhau đi trộm cắp chó. Khoảng tháng 9/2024, Lê Đức A đến nhà H chơi, H rủ A cùng đi trộm chó với H thì A đồng ý. Đến khoảng tháng 11/2024 T8 đến nhà H chơi, biết H trộm cắp chó nên T8 nhắn tin rủ H đi trộm chó và H đồng ý cùng đi trộm cắp với T8.

Từ đó, trong khung giờ từ 20 giờ đến khoảng 04 giờ sáng ngày hôm sau, các bị cáo mang theo cần câu chó, bình kích điện, đèn pin, bao tải đựng chó, băng keo đen.... sử dụng xe mô tô làm công cụ, phương tiện đi trộm chó trên địa bàn huyện KN cũ, bao gồm: Thị trấn KN, xã ET, xã ED, xã PX, xã EH, xã ET, xã PL, xã EP,

xã TG và xã DL. Khi đi trộm chó các bị cáo chỉ đi hai người, một người điều khiển xe, một người ngồi sau, khi phát hiện chó trên đường, người điều khiển xe chạy đến gần để người ngồi sau ngoắc dây thòng lọng vào cổ chó, giật điện làm bất tỉnh rồi dùng băng keo đen cuốn miệng và bỏ vào bao, sau đó tiếp tục đi bắt trộm những con chó khác. Sau khi trộm chó, các bị cáo bán chó cho Hoàng Thị V1, Phạm Thị T9 hoặc đưa về nhà H bán cho H. H, V1 và T9 đều thoả T, hứa hẹn trước với các bị cáo khác để mua chó trộm được rồi bán lại kiếm lời.

Sau khi mua lại chó do các bị cáo bắt trộm được thì Hoàng Thị V1 làm thịt T8 món ăn bán cho khách, hoặc bán lại với giá cao hơn để hưởng chênh lệch; Bị cáo Phạm Thị T9 làm thịt T8 món ăn bán cho khách; Còn H gom lại và sau đó sử dụng xe tải mang biển số 50H-00XX của H chở đến bán cho những người khác bao gồm: Nguyễn Trọng Đ2, Trần Ngọc N1, Trần Văn N1 và Phạm Duy Th để kiếm thêm tiền lời. Khi không trực tiếp chở chó đi bán được thì H thuê Nguyễn N2 hoặc Dương Thanh C1 điều khiển xe tải của H chở chó đi bán thay. H trả công 200.000đ/lần chở chó đi bán trong huyện KN và 300.000đ/lần chở chó đi bán ngoài huyện KN.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 7/2024 đến ngày 14/11/2024, Nguyễn H, Nguyễn Xuân T8, Hồ Đắc T, Đàm Việt Đ, Nguyễn S và Lê Đức A đã trực tiếp thực hiện nhiều vụ trộm chó trên địa bàn huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, sau đó vận chuyển đi tiêu thụ với từng lần phạm tội và giá trị tài sản cụ thể như sau:

Vụ 1: Ngày 19/7/2024, Hồ Đắc T và Nguyễn S lấy công cụ trộm chó từ nhà H đi bắt trộm được 01 con chó có trọng lượng 08kg của ông Văn Đức Q, trú tại xã TG và 01 con chó có trọng lượng 18kg của ông Phạm Hữu DA, trú tại xã PX. Sau khi bắt trộm được 02 con chó, T và S đem bán cho H với giá 40.000đ/kg, H trả 1.040.000đ tiền mặt cho T, S rồi đem chó nhốt trong chuồng. Sau đó, H chở đến huyện KrP bán cho Phạm Duy Th được khoảng 1.500.000đ. Khi mua chó của H, Th không biết nguồn gốc chó là do trộm cắp được mà có.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 02 con chó có trọng lượng 26kg có giá trị là 1.560.000đ

Vụ 2: Vào đầu tháng 8/2024, Nguyễn H và Nguyễn S bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 15kg của ông Ngô Văn M, trú tại, xã ET và 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Y SM, trú tại xã DY. Sau khi bắt trộm được 02 con chó, H tính thành tiền làm tròn là 1.000.000đ, H và S chia đôi, H trả chia S 500.000đ. Sau đó, H đem 02 con chó bắt trộm được đến thị trấn KN bán cho Trần Ngọc N1 với giá 55.000đ/kg, được 1.485.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 02 con chó có trọng lượng 27kg có giá trị là 1.620.000đ.

Vụ 3: Ngày 13/8/2024, Nguyễn H và Nguyễn S bắt trộm được 01 con chó có trọng lượng 13kg của ông Nguyễn Văn T10, trú tại xã PX; 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Nguyễn Viết D3, trú tại xã PX và 01 con chó có trọng lượng 10kg của ông Lê Văn D4 trú tại xã PX. Sau khi trộm cắp được 03 con chó trên, H tính thành tiền được 1.400.000đ, H chia cho S 700.000đ tiền mặt và nhốt chó vào trong chuồng nhà H.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 03 con chó có trọng lượng 35kg có giá trị là 2.100.000đ.

Vụ 4: Ngày 15/8/2024, Nguyễn H và Nguyễn S bắt trộm được 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Phan Văn H4, trú tại xã TG. Sau khi trộm cắp được con chó trên, H tính thành tiền được 480.000đ, H chia cho S 250.000đ tiền mặt, rồi mang con chó nhốt chung với 03 con chó H và S đã bắt trộm được trước đó cùng một số con chó H thu mua của người dân.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 01 con chó có trọng lượng 12kg có giá trị là 720.000đ.

Ngày 16/8/2024, H thuê Nguyễn N2 với 300.000đ tiền công, để N2 điều khiển xe tải mang biển số 50H-00979 của H chở khoảng 11 con chó, trong đó có 04 con chó (có tổng trọng lượng 47kg) mà H, S bắt trộm được và được H mua lại và có thêm 07 đến 08 con chó (có tổng trọng lượng 125kg) do H thu mua được của người dân mang đến huyện Không Pắc bán cho Phạm Duy Th cân được 172kg, tính thành tiền được 8.750.000đ. Sau đó Th sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank số 5202205416290 của vợ là Vũ TV chuyển khoản số tiền 8.000.000đ đến tài khoản ngân hàng BIDV số 8835338012 của Nguyễn H để trả tiền mua chó. Trước khi H thuê chở chó đi tiêu thụ, N2 biết rõ trong số chó H nhờ mang đi bán có một số con chó do H trộm cắp mà có.

Vụ 5: Ngày 17/8/2024, tại khu vực Thị trấn KN, Nguyễn H và Nguyễn S bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 15kg của ông Huỳnh Văn L; 01 con chó có trọng lượng 20kg của bà Trần Thị Th1 và 01 con chó có trọng lượng 17kg của bà Nguyễn Thị L2. Sau khi trộm cắp được 03 con chó trên, H và S chở đi bán cho Hoàng Thị V1 với giá 2.000.000đ. Trước khi S đi bắt trộm chó V1 có hỏi S “tối nay có đi được ko em” S nói “Dạ sao á chị” V1 nói “Đi thì alo chị nha” S nói “Dạ”, Sau đó S và H đi bắt trộm về thì bán cho V1 nên V1 biết được số chó mà H và S mang đến bán là do trộm cắp được mà có, V1 thỏa T và hứa hẹn trước với S, H trộm được chó mang đến bán thì V1 sẽ mua lại.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 03 con chó có trọng lượng 52kg có giá trị là 3.120.000đ.

Vụ 6: Vào đêm 21/8/2024, rạng sáng ngày 22/8/2024, Nguyễn H và Đàm Việt Đ bắt trộm được 01 con chó có trọng lượng 13kg của ông Khay Văn L3, trú tại xã ED và 01 con chó có trọng lượng 15kg của ông Ngần Văn C2, trú tại xã PX. Sau khi bắt trộm được 02 con chó, H tính thành tiền được 1.120.000đ và chia cho Đ 600.000đ tiền mặt, rồi mang chó nhốt trong chuồng nhà H.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 02 con chó có trọng lượng 28kg có giá trị là 1.680.000đ.

Vụ 7: Đêm ngày 22, rạng sáng ngày 23/8/2024, tại khu vực xã PX, Hồ Đắc T và Đàm Việt Đ bắt trộm được 01 con chó cỏ có trọng lượng 10kg của bà Hà Thị K, 01 con chó cỏ trọng lượng 15kg của ông Nguyễn Văn H5 và 01 con chó becgie của anh Nguyễn Đình Th2. Sau khi bắt trộm được 03 con chó, Đ và T chở 02 con chó cỏ đến bán cho H với giá 40.000đ/kg, cân được 25kg, H đưa cho Đ 1.000.000đ, Đ chia cho T 500.000đ. Riêng con chó becgie bắt trộm của anh Nguyễn Đình Th2 thì Đ lấy xe mô tô của Đ chở đến bán cho Trần Văn H3 với giá 2.000.000đ, Đ chia cho T 1.000.000đ. Trước khi mua con chó becgie, H3 nhắn tin cho Đ, hứa hẹn sẽ mua lại chó do Đ trộm được. Sau đó Đ chở đến bán cho H3.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định giá trị con chó becgie Đ của anh Th2 là 5.000.000đ, giá trị của 02 (hai) con chó cỏ có tổng trọng lượng 25kg là 1.500.000đ.

Sáng ngày 23/8/2024, H thuê Nguyễn N2 với giá 300.000đ tiền công để N2 điều khiển xe tải mang biển số 50H-00XXX của H chở hơn 10 con chó, trong đó có 04 con chó (có tổng trọng lượng 53kg) do bắt trộm được mà có và khoảng 06 đến 08 con chó (có tổng trọng lượng 163kg) do H thu mua được của người dân mang đến huyện KrP bán cho Phạm Duy Th, Th mua toàn bộ số chó với giá 10.000.000đ và thanh toán bằng tiền mặt. Khi mua chó của H, Th không biết đó là chó do H trộm cắp được mà có.

Vụ 8: Vào ngày 28/8/2024, Đàm Việt Đ và Nguyễn S bắt trộm được 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Nguyễn Chính H6, trú tại xã Ea Toh và 01 con chó có trọng lượng 13kg của bà Nguyễn Thị H7 trú tại xã PL. Sau khi bắt trộm được 02 con chó trên, Đ và S bán cho H với giá 40.000đ/kg, tính thành tiền được 1.000.000đ, Đ và S chia đôi mỗi người 500.000đ. Sau đó, H đem 02 con chó trộm cắp được mang đến thị trấn KN bán cho Trần Ngọc N1 với giá 55.000đ/kg, được 1.375.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 02 con chó có trọng lượng 22kg có giá trị là 1.320.000đ.

Vụ 9: Khoảng đầu tháng 9/2024, Nguyễn H và Đàm Việt Đ bắt trộm được 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Hoàng Bé T11, trú tại xã PX. Sau khi trộm cắp

được con chó trên H tính thành tiền được 480.000đ, H trả cho Đ 240.000đ và mang chó nhốt trong chuồng nhà H. Sau đó, H bán con chó cho một người dân (không xác định được nhân thân lai lịch) với giá 700.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định con chó có trọng lượng 12kg có giá trị là 720.000đ.

Vụ 10: Ngày 05/9/2024, tại địa bàn xã Ea Tam, Nguyễn H và Hồ Đắc T bắt trộm được 01 con chó có trọng lượng 08kg của ông Mai Văn Lợi; 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Bế Đình T12 và 01 con chó có trọng lượng 06kg của bà Nông Thị M1. Sau khi trộm cắp được 03 con chó trên, H tính thành tiền 1.000.000đ và chia cho T 500.000đ rồi mang chó nhốt ở trong chuồng. Sau đó, H bán 03 con chó này cho một số người dân (không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 1.600.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 03 con chó có trọng lượng 26kg có giá trị là 1.560.000đ.

Vụ 11: Vào ngày 07/9/2024, Đàm Việt Đ và Nguyễn S bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 15kg của ông Y ThKp, trú tại xã DY; 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Y NM, trú tại xã DY và 01 con chó có trọng lượng 13kg của ông Nguyễn Quốc H, trú tại, xã ET. Sau khi bắt trộm được 03 con chó trên Đ và S chở đi bán cho Hoàng Thị V1, tính thành tiền được 1.800.000đ, V1 sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0231000651846 của V1 chuyển khoản 1.500.000đ đến tài khoản ngân hàng MB bank số 090599120397 của S, còn 300.000đ, V1 trừ vào số tiền S mượn trước đó.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 03 con chó có trọng lượng 40kg có giá trị là 2.400.000đ.

Vụ 12: Vào ngày 08/9/2024, tại địa bàn xã ET, Nguyễn H và Lê Đức Abắt trộm 01 con chó có trọng lượng 15kg của ông Đình Quang D3; 01 con chó có trọng lượng 13kg của bà Lương Thị M1 và 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Hoàng Dương B1. Sau khi trộm cắp được 03 con chó trên, H và Đ A chở đi bán cho Hoàng Thị V1 với giá 42.000đ/kg, V1 đưa cho H 800.000đ tiền mặt, số tiền 1.000.000đ còn lại V1 sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0231000651846 của V1 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng MB bank số 0973824897 của Lê Đức A. Trên đường về nhà H, Đ A bắt trộm thêm được 01 (một) con chó có trọng lượng 10kg tại thôn PL, xã TG của ông Văn Đức Q, H mua lại với giá 40.000đ/kg, tính thành tiền được 400.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 04 con chó có trọng lượng 50kg có giá trị là 3.000.000đ

Vụ 13: Khoảng cuối tháng 9/2024, Nguyễn H và Đàm Việt Đ bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Võ Tr (trú tại xã ED) và 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Chế Aanh Tu, trú tại, xã PX. Sau khi bắt trộm được 02 con chó trên, H tính thành tiền được 880.000đ và chia cho Đ 440.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 02 con chó có trọng lượng 22kg có giá trị là 1.320.000đ.

Vụ 14: Vào đêm ngày 17, rạng sáng ngày 18/10/2024, tại địa bàn xã ED, Hồ Đắc T và Đàm Việt Đ bắt trộm 01 con chó becgie của anh Nguyễn Văn Tr1; 01 con chó cỏ có trọng lượng khoảng 15kg của ông Võ Trí; 01 con chó cỏ có trọng lượng khoảng 15kg của ông Hà Văn Vân và 01 con chó cỏ có trọng lượng khoảng 13kg của ông Khay Văn L3. Sau khi trộm xong, Đ và T bán 03 con chó cỏ có cho H với giá 1.600.000đ, Đ chia cho T 800.000đ. Riêng con chó becgie T và Đ bán cho Trần Văn H3 với giá 2.000.000đ. Sau đó Đ thuê Dương Thanh C1 điều khiển xe tải mang biển kiểm soát 50H-00XXX mượn của H đi cùng Đ chở đến bán cho H3. Ngày 21/10/2024, Đ sử dụng tài khoản ngân hàng Agribank 5209205160007 của Đàm Việt Đ chuyển khoản 300.000đ đến tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1017783691 của C1 để trả tiền công thuê C1 chở chó đến cho H3, còn lại 1.700.000đ Đ và T chia đôi mỗi người một nửa. Khi Đ thuê chở chó becgie đến nhà H3, C1 biết nguồn gốc chó là do Đàm Việt Đ bắt trộm được và đem về nhốt tại nhà H.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định giá trị của con chó becgie Đ của A Trung là 6.000.000đ, 03 (ba) con chó cỏ có tổng trọng lượng 40kg là 2.400.000đ.

Ngày 26/10/2024, H thuê Dương Thanh C1 300.000đ tiền công để C1 điều khiển xe tải mang biển số 50H-00XXX của H chở 04 con chó, trong đó có 03 con chó (có tổng trọng lượng khoảng 40kg) mà H mua lại của Hồ Đắc T và Đàm Việt Đ và có thêm 01 con chó (có trọng lượng 10kg) do H thu mua được của người dân mang đến huyện KrP bán cho Phạm Duy Th với giá 2.740.000đ. Khi mua chó của H, Th không biết nguồn gốc chó là do trộm cắp được mà có.

Vụ 15: Khoảng tháng 10/2024, Nguyễn H và Lê Đức A bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Y ThM (trú tại xã DY); 01 con chó có trọng lượng 14kg của ông Y CM (trú tại xã DY) và 01 con chó có trọng lượng 09kg của ông Nguyễn Văn Mạnh Đ3 (trú tại xã PL). Sau khi trộm cắp được 03 con chó trên, H tính giá 40.000đ/kg và chia cho Đ A 700.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 03 con chó có trọng lượng 35kg có giá trị là 2.100.000đ

Ngày 29/10/2024, H thuê Nguyễn N2 điều khiển xe tải của H chở 03 con chó mà H và Đức A trộm cắp được cùng 06 đến 07 con chó do H thu mua lại của người dân đến huyện EK bán cho Nguyễn Trọng Đ2, Đ2 cân lên được tổng trọng lượng 132kg chó, trong đó 95kg loại chó đẹp Đ2 mua với giá 55.000/kg và 37kg chó loại, Đ2 mua với giá 40.000đ/kg, sau đó Đ2 chuyển khoản trả cho H 4.000.000đ và đưa cho Nguyễn N2 2.700.000đ tiền mặt. Khi mua chó của H, Đ2 không biết nguồn gốc chó là do trộm cắp được mà có.

Vụ 16: Khoảng tháng 10/2024, Đàm Việt Đ và Hồ Đắc T bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Lương Văn Ly (trú tại xã ED). Sau khi bắt trộm con chó, Đ và T chở đi bán cho H với giá 40.000đ/kg, H trả 480.000đ tiền mặt. Số tiền bán chó Đ và T chia đôi.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 01 con chó có trọng lượng 12kg có giá trị là 720.000đ.

Vụ 17: Vào ngày 23/10/2024, Hồ Đắc T và Nguyễn S bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 05kg của bà Chu Thị M2 (trú tại xã PX); 01 con chó có trọng lượng 15kg của ông Nguyễn Trung T8 (trú tại xã PX) và 01 con chó có trọng lượng 15kg của ông Võ Tr (trú tại xã ED). Sau khi bắt trộm được 03 con chó trên, T và S chở đi bán cho Hoàng Thị V1 với giá 45.000đ/kg. V1 trả số tiền 2.000.000đ, số tiền bán chó T và S chia đôi mỗi người một nửa và đã tiêu xài hết.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 03 con chó có trọng lượng 35kg có giá trị là 2.100.000đ.

Vụ 18: Vào ngày 24/10/2024, tại địa bàn xã EH, xã PL, xã ET và thị trấn KN, Hồ Đắc T và Nguyễn S bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 25kg của ông Nguyễn Ngọc O; 01 con chó có trọng lượng 20kg của bà Nguyễn Thị L2; 01 con chó có trọng lượng 20kg của ông Huỳnh DM; 01 con chó có trọng lượng 20kg của bà Võ Thị G và 01 con chó có trọng lượng 30kg của ông Lê Khắc M3. Sau khi trộm cắp được 05 con chó trên, T và S bán cho Hoàng Thị V1 với giá 45.000đ/kg. Các bị cáo cân được 125kg, tính thành tiền là 5.625.000đ, làm tròn T8 5.600.000đ. Sau đó, V1 có nhắn tin nói với S “tổng tiền của em là 5.6, Năm tr sáu, chị trừ em 500 với T 500 là còn 4 tr sáu”, sáu đó V1 trừ 1.000.000đ T và S mượn trước đó và sử dụng tài khoản Vietcombank số 0231000651846 chuyển khoản 4.600.000đ đến tài khoản ngân hàng MB bank 0333339779779 của T..

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 05 con chó có trọng lượng 125kg có giá trị là 7.500.000đ

Vụ 19: Vào đêm 24/10/2024, rạng sáng ngày 25/10/2024, Nguyễn H và Hồ Đắc T bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 17kg của ông Chu Tuấn T8 (trú tại xã EP); 01 con chó có trọng lượng 12kg của ông Hoàng ĐD (trú tại xã ET); 01 con

chó cỏ có trọng lượng 13kg của ông Đoàn CH (trú tại xã PL); 01 con chó có trọng lượng 17kg của ông Nguyễn C3 (trú tại xã PL) và 01 con chó có trọng lượng 13kg của ông Lê XT (trú tại xã ET). Sau khi bắt trộm 05 con chó trên H và T bán cho Hoàng Thị V1, với giá 40.000đ. Các bị cáo cân 05 con chó được 72kg, do có chó chết nên trừ 02kg còn 70kg, tính thành tiền là 2.800.000đ. Sau đó, V1 trừ 400.000đ, T mượn trước đó và sử dụng tài khoản Vietcombank số 0231000651846 chuyển khoản 2.400.000đ đến tài khoản ngân hàng MB bank 0333339779779 của T.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 03 con chó có trọng lượng 70kg có giá trị là 4.200.000đ.

Vụ 20: Khoảng cuối tháng 10/2024, Đàm Việt Đ và Hồ Đắc T bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 18kg của ông Đinh TD (trú tại xã EP). Sau khi trộm cắp được con chó, Đ và T đem bán cho Phạm Thị T9 với giá 40.000đ/kg, tính thành tiền được 720.000đ, T9 đưa tiền mặt trả cho Đ và T.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 01 con chó có trọng lượng 18kg có giá trị là 1.080.000đ.

Vụ 21: Vào đêm ngày 05, rạng sáng ngày 06/11/2024, tại địa bàn xã Ea Tam và xã Ea Puk, Nguyễn H và Nguyễn Xuân T8 bắt trộm 01 con chó có trọng lượng khoảng 20kg của bà Dương VL; 01 con chó có trọng lượng khoảng 10kg của bà Hoàng Thị VH; 01 con chó có trọng lượng khoảng 10kg của bà Hoàng TH; 01 con chó có trọng lượng khoảng 10kg của ông Hoàng XC; 01 con chó có trọng lượng khoảng 20kg của ông Nông ĐT; 01 con chó có trọng lượng khoảng 18kg của ông Nông VL; 01 con chó có trọng lượng khoảng 20kg của ông LH; 01 con chó có trọng lượng khoảng 22kg của ông Lê BT và 01 con chó có trọng lượng khoảng 20kg của ông TrV. Sau khi trộm cắp được 09 con chó trên, H và T8 mang về nhà H cân được 144kg, trừ hàng ngạt chết 01 con tính còn 132kg, H mua lại với giá 42.000đ/kg, tính thành tiền là 5.500.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 09 con chó có trọng lượng 144kg có giá trị là 8.640.000đ.

Sáng ngày 06/11/2024, H thuê Nguyễn N2 điều khiển xe tải của H chở số chó trộm cắp được mang đến huyện EH bán cho Trần VN, Trând VN cân được tổng cộng 126kg chó sống, trong đó phân loại có 99kg chó đẹp Trần VN mua với giá 60.000đ/kg, tương đương 5.940.000đ và 27kg chó già, xấu (chó loại) Trần VN mua với giá 40.000đ/kg, tương đương 1.080.000đ. Ngoài ra có một số con chó bị chết Trần VN trả thêm 700.000đ.

Vụ 22: Vào đêm ngày 07, rạng sáng ngày 08/11/2024, tại địa bàn xã EP, Nguyễn H và Nguyễn Xuân T8 bắt trộm 01 con chó có trọng lượng khoảng 15kg của ông Phan GL; 01 con chó có trọng lượng khoảng 18kg của bà Nguyễn TB; 01

con chó có trọng lượng khoảng 20kg của ông Hoàng VT; 01 con chó có trọng lượng khoảng 25kg của ông Nông VH; 01 con chó có trọng lượng khoảng 22kg của ông Nông VT. Sau khi trộm cắp được 05 con chó trên, H và T8 mang về nhà H cân được 96kg, H mua lại với giá 40.000đ/kg, tính thành tiền làm tròn là 3.800.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 05 con chó có trọng lượng 96kg tại thời điểm ngày 07/11/2024 có giá trị là 5.760.000đ.

Sau đó, H thuê Nguyễn N2 điều khiển xe tải mang biển số 50H-00XXX của H chở số chó trộm cắp được, cùng một số con chó H thu mua của dân mang đến huyện KrP bán cho Phạm Duy Th được khoảng 5.000.000đ. Khi mua chó của H, Th không biết nguồn gốc chó là do trộm cắp được mà có.

Vụ 23: Vào đêm ngày 09, rạng sáng ngày 10/11/2024, tại địa bàn xã ET và xã ET, Nguyễn H và Nguyễn Xuân T8 bắt trộm 01 con chó có trọng lượng khoảng 25kg của ông Nông VQ; 01 con chó có trọng lượng khoảng 18kg; 01 con chó có trọng lượng khoảng 25kg của bà Hoàng TS; 01 con chó có trọng lượng khoảng 14kg của ông Hoàng VQ; 01 con chó có trọng lượng khoảng 16kg của ông Phan VT và 01 con chó có trọng lượng khoảng 18kg của ông Lê BT. Sau khi trộm cắp được 06 con chó trên, H và T8 mang về nhà H cân được 110kg, H mua lại với giá 40.000đ/kg, tính thành tiền làm tròn là 4.100.000đ. Sau đó, H thuê Nguyễn N2 điều khiển xe tải mang biển số 50H-00979 của H chở số chó trộm cắp được, cùng một số con chó H thu mua của dân mang đến huyện Krông Pắc bán cho Phạm Duy Th được khoảng 5.000.000đ. Khi mua chó của H, Th không biết nguồn gốc chó là do trộm cắp được mà có.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 06 con chó có trọng lượng 110kg có giá trị là 6.600.000đ.

Vụ 24: Vào đêm ngày 10, rạng sáng ngày 11/11/2024, Đàm Việt Đ và Nguyễn S bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 30kg của ông Hoàng HB (trú tại xã PX) và 01 con chó có trọng lượng 17kg của bà Võ TTh (trú tại xã ED). Sau khi trộm cắp được 02 con chó trên Đ và S chở đi bán cho Hoàng Thị V1 với giá 45.000đ/kg, tính thành tiền được 2.115.000đ, làm tròn T8 2.100.000đ.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 02 con chó có trọng lượng 47kg tại có giá trị là 2.820.000đ

Vụ 25: Vào lúc 19 giờ 22 phút ngày 11/11/2024, Phạm Thị T9 sử dụng số điện thoại 0365.828.236 của T9 gọi điện cho H, nói H nếu đi trộm được chó thì chở đến bán cho T9, H đồng ý và nói cho T9 biết H có đi bắt trộm chó. Sau đó, vào lúc 02 giờ 29 phút, ngày 12/11/2024, sau khi H và Đ bắt trộm 01 con chó có trọng lượng 16kg của ông Hồ QC (trú tại xã ET); 01 con chó có trọng lượng của ông Mai XT (trú tại xã DY); 01 con chó có trọng lượng 10kg của ông Nguyễn HL (trú tại xã DY)

và 01 con chó có trọng lượng 10kg của bà Huỳnh Thị NM (trú tại xã PL) do đã hứa hẹn và thống nhất nhất từ trước nên H và Đ chở 04 con chó vừa bắt trộm được đến nhà T9 để bán với giá 42.000đ/kg. Các bị cáo cân 04 con chó được 48kg, T9 đã trả tiền mặt cho Đ và H. Số tiền bán chó trộm cắp có được Đ và H chia đôi mỗi người một nửa.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 04 con chó có trọng lượng 48kg có giá trị là 2.820.000đ.

Vụ 26: Khoảng 23 giờ 00 ngày 13/11/2024, Nguyễn Xuân T8 cùng Nguyễn H đi bắt trộm chó trên địa bàn huyện KN. Đến khoảng 04 giờ 30 ngày 14/11/2024, sau khi bắt trộm được tổng cộng 14 (con chó với tổng trọng lượng 174,5kg, trong đó: 01 con trọng lượng 08kg của ông Ngô XT (trú tại xã PX); 01 con trọng lượng 12kg của ông Lường ĐC (trú tại xã Ea Dăh); 01 con trọng lượng 11kg của ông Nguyễn QV (trú tại xã PX); 01 con trọng lượng 7,5kg của ông Hoàng VC (trú tại xã ED); 01 con trọng lượng 10kg của bà Bùi ThN (trú tại xã PX); 01 con trọng lượng 21kg của ông Phạm VB (trú tại thị trấn KN); 01 con trọng lượng 16kg của ông Diệp XTh (trú tại xã ET); 01 con trọng lượng 13kg của ông Nông VT (trú tại xã EaT); 01 con trọng lượng 09kg của ông Lê ĐTh (trú tại xã ED); 01 con trọng lượng 10kg của ông Phan Ph (trú tại xã Ea Púk); 01 con trọng lượng 11kg của ông Đoàn ThD (trú tại xã PL); 01 con, trọng lượng 20kg của bà Trương TTh (trú tại thị trấn KN); 01 con trọng lượng 10kg của ông Dương Văn Dũng (trú tại thôn xã Ea Dăh); 01 con trọng lượng 16kg của bà Cao ThB (trú tại xã PL). Khi đang trên đường chở 14 con chó mang về nhà H cất giấu thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Theo Kết luận định giá tài sản xác định 14 con chó có trọng lượng 174,5kg có giá trị là 10.470.000đ.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định dữ liệu trên các điện thoại thu giữ của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tại kết luận giám định số 137/KL-KTHS, ngày 17/01/2025, số 138/KL-KTHS, ngày 17/01/2025 và số 139/KL-KTHS, ngày 17/01/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận:

Trong các điện thoại đã thu giữ có chứa các nội dung tin nhắn zalo, Messenger xác định Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn S, Lê Đức A, Hoàng Thị V1, Trần Văn H3, Phạm Thị T9, Nguyễn N2 và Dương Thanh C1 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vận chuyển, tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có.

Tại kết luận giám định số 336/KL-KTHS, ngày 27/02/2025 của Phân viện KHHS tại Thành phố Đà Nẵng, kết luận: 01 (một) bình xịt, hình trụ tròn cao 23,5cm, đường kính 6,5cm không rõ nhãn hiệu, bên ngoài được quấn băng keo màu đen;

phần cổ bình quần đoạn dây dù có móc treo bằng kim loại, hình tròn là bình xịt hơi cay; hiện tại còn sử dụng được và thuộc công cụ hỗ trợ.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

- 01 (một) thùng lọng tự chế, 01 (một) chiếc túi màu đen có quai đeo bên trong có 02 (hai) đèn pin được quần bằng băng keo đen không rõ nhãn hiệu, 02 (hai) cục pin được quần bằng băng keo màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, xe gắn biển kiểm soát 60B9-386.MM, số máy 1S94022333, số khung RLCE1S9408Y022333; 01 (một) ná cao su, 01 thùng lọng, 04 (bốn) viên đá loại 1x2 cm, 01 (một) cuộn băng keo màu đen, 01 (một) bình xịt hơi cay được quần bằng băng keo đen không rõ nhãn hiệu, 01 (một) cục pin được quần bằng băng keo đen, 01 đèn pin được quần bằng băng keo; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, có số IMEI 1: 351263406005461, số IMEI 2: 351263406005479, 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 12 màu đen, mặt khóa 5555, số IMEI: 35587733212043, 01 lồng kim loại kích thước (170x60x40) cm, 01 xe ô tô hiệu THACO mang biển số 50H-00XXX và 01 chiếc cân hiệu Bến T8, loại 100 kg; 14 (mười bốn) con chó (09 con còn sống, 05 con đã chết)

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX, có số IMEI: 353911101212901, mặt khóa 0454, bên trong gắn 01 (một) sim có các ký tự “8984048000076912352 4G VIETTEL” của Hồ Đức T

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, mặt khóa 021090, có số IMEI: 350401980573535, bên trong gắn 01 (một) sim có ký tự “898404800002586071” của Đàm Việt Đ;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, có số IMEI 1: 869194050105072, số IMEI 2: 869194050105064, mặt khóa 04071992, bên trong gắn 02 (hai) sim có các ký tự: “4Gviettel 8984048000338591619” và “4G8984048000066732403” của Trần Văn H3;

02 (hai) con chó beagle màu lông xám vàng, trong đó: 01 (một) con chó beagle có trọng lượng 30kg và 01 (một) con chó beagle có trọng lượng 33kg do Trần Văn H3 giao nộp;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, có số IMEI 1: 862366053572774, số IMEI 2: 862366053572766, bên trong gắn 02 (hai) sim số 0974770566 và 0917830306 của Hoàng Thị V1;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, có số IMEI 1: 865041052566633, số IMEI 2: 865041052566625, bên trong gắn 01 (một) sim số 0814163335 của Nguyễn N2;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, có số IMEI 1: 351263409218731, số IMEI 2: 351263409218749, bên trong gắn 01 (một) sim có các ký tự “8984048000318540443 4G VIETTEL” của Phạm Thị T9;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8, có số IMEI: 35299209067428, bên trong gắn 01 (một) sim số 0977833396 của Dương Thanh C1;

- 01 (một) xe mô tô YAMAHA EXCITER mang biển số 47E1-507.YY là phương tiện của Lê Đức Adùng để đi thực hiện hành vi trộm cắp; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, có số IMEI 1: 353708079322484, số IMEI 2: 353708079322492, bên trong gắn 02 (hai) sim số 0973824897 và 0819082868 thu giữ của Lê Đức A;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, có số IMEI 1: 356861112711309, số IMEI 2: 35686111271130, bên trong gắn 01 (một) sim có ký tự “898404800318540501” thu giữ của Nguyễn S

- 01 (một) túi da màu nâu, quai đeo màu xA, 01 (một) đèn pin được quấn bằng băng keo màu đen có dây cầm màu đen, 01 (một) bình ắc quy màu đen được gắn với bộ kích điện quấn bằng băng keo màu đen, 08 (tám) cục pin màu xA được kết nối với nhau bằng các mảnh kim loại

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, xe màu đỏ vàng đen, số máy 1S9A008751, số khung RLCE1S9A0BY008747, xe gắn biển kiểm soát 47M1-855.ZZ là phương tiện Nguyễn S và đồng bọn sử dụng đi trộm cắp tài sản.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI NOTE 13, có số IMEI 1: 867332075109727, số IMEI 2: 867332075109735, bên trong gắn 01 (một) sim số 0967054365 của Nguyễn Trọng Đông; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A03s, có số IMEI 1: 353515131025785, số IMEI 2: 356346461025782, bên trong gắn 01 (một) sim số 0868279086 của Phạm Duy Th; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, có số IMEI 1: 353748821415020, số IMEI 2: 354097531415022, bên trong gắn 02 (hai) sim số 0949600302 và 0989547007 của Trần Văn Ngo; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, có số IMEI 1: 351137777625075, số IMEI 2: 352652687625071, bên trong gắn 01 (một) sim số 0978841931 của ông Phan Hữu Thi; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, có số IMEI 1: 356563090192573, số IMEI 2: 356560490192571, bên trong gắn 01 (một) sim có ký tự “898402000 vinaphone 11437641580” của Trần Ngọc Nghĩa;

Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn N2, Lê Đức A đã bồi thường cho 04 bị hại với tổng số tiền là 4.080.000đ. và nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn S, Lê Đức A, Hoàng Thị V1, Trần Văn H3, Phạm Thị T9 và Nguyễn N2 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Dương Thanh C1 phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn H 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2024 đến ngày 25/01/2025.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Đàm Việt Đ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến ngày 25/01/2025.

- Xử phạt bị cáo **Hồ Đắc T 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến ngày 25/01/2025.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn S 03 (Ba) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội (Tàng trữ trái phép chất ma túy) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HSST, ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện KN : Buộc bị cáo Nguyễn S phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt, ngày 14/11/2024.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn N2 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Lê Đức A 01 (Một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án.

- Áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H3 **01 (Một) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị V1 **01 (Một) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Thanh C1 **09 (Chín) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt cho 01 bị cáo khác, về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn S, Lê Đức A, Hoàng Thị V1, Trần Văn H3 và Dương Thanh C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã nhận định, cũng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn S, Lê Đức A, Hoàng Thị V1, Trần Văn H3, Nguyễn N2 về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Dương Thanh C1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Mặc dù tại cấp phúc thẩm các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Lê Đức A, Trần Văn H3, Dương Thanh C1 đã cung cấp thêm tình tiết mới là nộp tiền khắc phục hậu quả. Tuy nhiên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo Nguyễn S, Hoàng Thị V1, Nguyễn N2 không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Riêng bị cáo Hoàng Thị V1 có nhân thân tốt, có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không trực tiếp phạm tội mà chỉ hứa hẹn trước sẽ tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo V1 được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát

của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo T8 người có ích cho xã hội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 7/2024 đến 14/11/2024 các bị cáo: Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn S, Lê Đức A đã nhiều lần trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, ngoài ra H còn hứa hẹn và mua lại tài sản do các bị cáo khác trộm cắp mà có. Các bị cáo: Hoàng Thị V1, Phạm Thị T9, Trần Văn H3 Nguyễn N2 đã hứa hẹn và vận chuyển, tiêu thụ tài sản do các bị cáo khác trộm cắp mà có; bị cáo Dương Thanh C1 mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng khi được H và Đ nhờ vận chuyển tài sản đi tiêu thụ thì C1 vẫn thực hiện, cụ thể như sau:

Nguyễn H tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 24 vụ, trong đó có 16 vụ bị cáo trực tiếp thực hiện hành phạm tội, 08 vụ thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức. Tổng giá trị tài sản 24 vụ là 80.590.000đ, trong đó có 14 vụ trộm cắp có giá trị trên 2.000.000đ.

Đàm Việt Đ đã tham gia thực hiện trộm cắp tài sản 17 vụ, trong đó có 11 vụ bị cáo trực tiếp thực hiện hành phạm tội, 06 vụ thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 42.860.000đ, trong đó: Có 08 vụ trộm cắp có giá trị trên 2.000.000đ.

Hồ Đắc T đã trực tiếp tham gia thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 33.380.000đ, trong đó: Có 05 vụ trộm cắp có giá trị trên 2.000.000đ.

Nguyễn S trực tiếp thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 25.260.000đ, trong đó có 06 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ.

Nguyễn Xuân T8 trực tiếp tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 31.470.000đ, trong đó cả 04 vụ đều có giá trị trên 2.000.000đ.

Lê Đức A trực tiếp tham gia 02 vụ trộm cắp tài sản, tài sản có giá trị là 5.100.000đ, lần 1 là 3.000.000đ, lần 2 là 2.100.000đ.

Hoàng Thị V1 đã hứa hẹn và thỏa thuận trước và 07 lần mua chó do các bị cáo khác trộm cắp, vì vậy, bị cáo đồng phạm với các bị cáo trên về tội trộm cắp tài sản. Tổng giá trị tài sản V1 đã mua 07 lần là 24.540.000đ, giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000đ.

Trần Văn H3 đã hứa hẹn và 02 lần mua 02 con chó do Đ và T trộm cắp được mà có. Tổng giá trị tài sản bị cáo H3 mua 02 lần là 11.000.000đ, trong đó có 01 lần có giá trị 5.000.000đ, 01 lần có giá trị 6.000.000đ.

Nguyễn N2 đã hứa hẹn và nhận lời H, 06 lần sử dụng xe ô tô vận chuyển tài sản do H phạm tội mà có đi tiêu thụ. Tổng giá trị tài mà N2 đã vận chuyển là 29.100.000đ, giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000đ.

Dương Thanh C1 đã 2 lần vận chuyển tài sản do bị cáo khác trộm cắp đi tiêu thụ. Tổng giá trị tài sản 02 lần là 8.400.000đ, giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000đ.

Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn Xuân T8, Nguyễn S, Lê Đức A, Hoàng Thị V1, Trần Văn H3, Nguyễn N2 về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bị cáo Dương Thanh C1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng:

Xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Lê Đức A đã cung cấp được tình tiết mới là đã nộp tiền khắc phục hậu quả. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn S, Nguyễn N2, Hoàng Thị V1, Trần Văn H3, Dương Thanh C1 là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo S, N2, V1, C1 không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo là không có căn cứ, bởi lẽ: Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Nguyễn S,

Lê Đức A, Hoàng Thị V1, Trần Văn H3, Nguyễn N2 và Dương Thanh C1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và trật tự an toàn công cộng, do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo trên ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Lê Đức A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn S, Trần Văn H3, Hoàng Thị V1, Nguyễn N2 và Dương Thanh C1 do không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn S, Dương Thanh C1, Trần Văn H3 và Hoàng Thị V1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T và Lê Đức A. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2025/HS-ST, ngày 03/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn H** 04 (Bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2024 đến ngày 25/01/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đàm Việt Đ** 03 (Ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến ngày 25/01/2025.

Xử phạt bị cáo **Hồ Đắc T 02** (hai) năm 09 (chín) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến ngày 25/01/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn S 03** (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HSST, ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện KN: Buộc bị cáo Nguyễn S phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt, ngày 14/11/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn N2 01** (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức A 09** (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt Thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Dương Thanh C1 09** (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H3 01** (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 61 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị V1 01** (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn H, Đàm Việt Đ, Hồ Đắc T, Lê Đức A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn S, Trần Văn H3, Hoàng Thị V1, Dương Thanh C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm – TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (LLTP);
- TAND Khu vực 10;
- VKSND Khu vực 10;
- Chi cục THADS Khu vực 10;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Duy Thuần